



Name: .....

Class: .....

**Put the signal words and phrases into the correct columns**

- never, constantly, recently, every day, Lookout!, yet, last year, right-now, now, last night, up to now, seldom, so far, until always, at the moment, already, at present, occasionally, ever, just, lately, up to the present, in the past, as soon as, last month, Keep silent!, Listen!, soon, before, ago, tomorrow, sometimes, next day, Watch!, someday, usually, until now, frequently, last week, often, yesterday, Watch out!, Look!, rarely,

- “in + năm trong quá khứ”

- “At this time/at this moment + thời gian trong tương lai”

- “at this time + thời gian trong quá khứ”

- “It’s + giờ cụ thể + now”

- “for + quãng thời gian”

- “since+ mốc thời gian”

- “at + giờ + thời gian trong quá khứ”

- “At + giờ cụ thể + thời gian trong tương lai”

<b>Tenses</b>	<b>Signal words</b>
<b>Present tense</b>	
<b>Present continuous</b>	
<b>Present perfect</b>	

<b>Past simple</b>	
<b>Past continuous</b>	
<b>Future tense</b>	
<b>Future continuous</b>	